

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : DƯỢC HỌC
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	1921524535	Nguyễn Hoàng	An	K19YDH	16/08/1995	5.0	Năm	
2	1921524660	Bùi Xuân Ngọc	An	K19YDH	18/11/1991	V	Vắng	
3	1920524362	Hà Hoàng	Anh	K19YDH	10/09/1994	4.3	Bốn Phẩy Ba	
4	1920527924	Nguyễn Trần Trâm	Anh	K19YDH	03/05/1995	5.7	Năm Phẩy Bảy	
5	1921524246	Võ Công	Anh	K19YDH	29/10/1995	4.8	Bốn Phẩy Tám	
6	1921524475	Lê Phạm Quốc	Anh	K19YDH	21/08/1992	V	Vắng	
7	2026522002	Nguyễn Tuấn	Anh	T20YDH	01/05/1983	5.5	Năm Phẩy Năm	
8	2026522003	Lê Tuấn	Anh	T20YDH	13/01/1991	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
9	2027522198	Hoàng Thị Trang	Anh	T20YDH	12/06/1981	7.1	Bảy Phẩy Một	
10	2026522004	Trần Hữu	Ánh	T20YDH	01/10/1989	7.8	Bảy Phẩy Tám	
11	2026522006	Nguyễn Văn	Bình	T20YDH	09/11/1977	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
12	2026522007	Võ Nhật	Bộ	T20YDH	02/02/1986	5.7	Năm Phẩy Bảy	
13	1921529520	Y Gal	Byă	K19YDH	04/02/1989	2.3	Hai Phẩy Ba	
14	2027522008	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	T20YDH	19/07/1987	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
15	1920524478	Mai Thị Bích	Chi	K19YDH	18/07/1994	3.4	Ba Phẩy Bốn	
16	1920529249	Lê Thị Huệ	Chi	K19YDH	18/11/1995	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
17	2027522009	Phan Thị	Chi	T20YDH	10/02/1981	9.4	Chín Phẩy Bốn	
18	2027522187	Phan Thị Kim	Chi	T20YDH	12/05/1990	9.1	Chín Phẩy Một	
19	1920528362	Lê Thị	Chính	K19YDH	01/01/1995	7.5	Bảy Phẩy Năm	
20	2027522010	Phạm Thị Ánh	Chuyên	T20YDH	07/03/1990	8.8	Tám Phẩy Tám	
21	1921527910	Lê Ngọc	Cương	K19YDH	10/07/1994	7.2	Bảy Phẩy Hai	
22	1921524240	Hồ Mạnh	Cường	K19YDH	02/12/1995	6.8	Sáu Phẩy Tám	
23	1920522438	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	K19YDH	22/05/1995	9.8	Chín Phẩy Tám	
24	2027522221	Hồ Thị Thu	Diễm	T20YDH	10/10/1984	9.5	Chín Phẩy Năm	
25	2027522013	Lê Thị Ngọc	Diễm	T20YDH	21/06/1986	8.3	Tám Phẩy Ba	
26	2027522215	Tiêu Thị Ngọc	Diệp	T20YDH	25/12/1972	9.5	Chín Phẩy Năm	
27	2026522014	Phạm Văn	Đông	T20YDH	25/03/1984	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
28	1920524729	Nguyễn Thu	Dung	K19YDH	07/05/1995	6.0	Sáu	
29	1926522032	Đặng Thị Thùy	Dung	T20YDH	20/09/1989	9.9	Chín Phẩy Chín	
30	2027522015	Đinh Thị	Dung	T20YDH	10/02/1984	8.0	Tám	
31	2027522016	Hồ Thị	Dung	T20YDH	10/12/1984	9.4	Chín Phẩy Bốn	
32	2026522017	Huỳnh Quốc	Dũng	T20YDH	10/01/1985	8.8	Tám Phẩy Tám	
33	2026522018	Trương Phú	Dũng	T20YDH	20/10/1971	8.2	Tám Phẩy Hai	
34	2026522019	Nguyễn Ngọc	Dũng	T20YDH	29/07/1978	9.1	Chín Phẩy Một	
35	2027522020	Mai Thị Xuân	Duy	T20YDH	01/05/1987	3.8	Ba Phẩy Tám	
36	1921524556	Trần Bửu Hoàng	Gia	K19YDH	20/02/1995	1.7	Một Phẩy Bảy	
37	1920529763	Dương Thị Hương	Giang	K19YDH	05/10/1995	2.3	Hai Phẩy Ba	
38	1920524690	Dương Thị Bảo	Hà	K19YDH	05/10/1994	4.4	Bốn Phẩy Bốn	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
39	1920524899	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	K19YDH	30/03/1995	5.0	Năm	
40	2027522022	Nguyễn Thị Việt	Hà	T20YDH	15/01/1983	5.0	Năm	
41	2027522023	Nguyễn Thị Thu	Hà	T20YDH	04/10/1984	6.2	Sáu Phẩy Hai	
42	2027522024	Nguyễn Lê Thanh	Hà	T20YDH	18/08/1989	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
43	2027522025	Ngô Thị Thúy	Hà	T20YDH	23/07/1984	7.6	BảyPhẩy Sáu	
44	2027522026	Nguyễn Thị Thu	Hạ	T20YDH	28/03/1985	8.8	Tám Phẩy Tám	
45	2027522027	Lê Thị Ngọc	Hải	T20YDH	05/12/1985	9.4	ChínPhẩy Bốn	
46	2026522029	Nguyễn Văn	Hân	T20YDH	21/04/1987	9.4	ChínPhẩy Bốn	
47	2027522028	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	T20YDH	10/08/1988	8.5	Tám Phẩy Năm	
48	1920524620	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	K19YDH	15/09/1995	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
49	2027522031	Nguyễn Thị Kim	Hằng	T20YDH	06/02/1986	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
50	2027522203	Đinh Thị	Hằng	T20YDH	23/07/1983	6.2	Sáu Phẩy Hai	
51	2026522217	Nguyễn Song	Hào	T20YDH	24/09/1983	5.6	Năm Phẩy Sáu	
52	1920524185	Bùi Nguyễn Mỹ	Hiền	K19YDH	20/12/1995	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
53	2027522035	Nguyễn Thị Thu	Hiền	T20YDH	02/04/1989	9.0	Chín	
54	2027522194	Trần Thị Minh	Hiền	T20YDH	30/01/1985	7.5	Bảy Phẩy Năm	
55	2027522036	Nguyễn Thị	Hiếu	T20YDH	20/06/1984	3.4	Ba Phẩy Bốn	
56	2027522037	Võ Thị	Hoa	T20YDH	20/06/1982	4.8	Bốn Phẩy Tám	
57	2027522038	Cù Thị Hồng	Hoa	T20YDH	10/10/1982	6.5	Sáu Phẩy Năm	
58	2027522218	Nguyễn Thị	Hòa	T20YDH	27/10/1985	2.5	Hai Phẩy Năm	
59	2026522039	Nguyễn Như	Hoàn	T20YDH	07/10/1984	1.1	Một Phẩy Một	
60	1921524681	Hà Quốc	Huân	K19YDH	11/03/1995	8.8	Tám Phẩy Tám	
61	1921524680	Võ Đình	Hùng	K19YDH	27/02/1995	2.8	Hai Phẩy Tám	
62	1921524751	Lê Thế	Hùng	K19YDH	06/05/1994	1.6	Một Phẩy Sáu	
63	2027522043	Lê Thị Ngọc	Hương	T20YDH	16/02/1981	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
64	2027522044	Nguyễn Thị Bích	Hường	T20YDH	10/10/1964	6.9	Sáu Phẩy Chín	
65	1921524688	Phạm Đình	Huy	K19YDH	07/08/1995	5.0	Năm	
66	1921528786	Nguyễn Ngọc	Huy	K19YDH	11/01/1995	4.3	Bốn Phẩy Ba	
67	2026522047	Nguyễn Văn	Huyền	T20YDH	17/11/1970	6.1	Sáu Phẩy Một	
68	2027522046	Huỳnh Nguyễn Triệu	Huyền	T20YDH	07/12/1990	8.4	Tám Phẩy Bốn	
69	2027522048	Trần Thị Mỹ	Huyền	T20YDH	10/12/1987	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
70	2027522049	Huỳnh Thị	Huyền	T20YDH	04/06/1985	7.5	Bảy Phẩy Năm	
71	2027522199	Lê Thị	Huyền	T20YDH	30/04/1973	8.9	Tám Phẩy Chín	
72	2027522207	Đặng Thị Minh	Huyền	T20YDH	10/06/1984	7.8	Bảy Phẩy Tám	
73	2026522050	Phạm Minh	Kha	T20YDH	01/01/1984	7.5	Bảy Phẩy Năm	
74	2027522051	Lê Thị	Khải	T20YDH	15/08/1969	7.0	Bảy	
75	1920524250	Nguyễn Thị Nhật	Khánh	K19YDH	02/09/1995	6.5	Sáu Phẩy Năm	
76	1921524607	Nguyễn Quang	Khánh	K19YDH	16/09/1995	9.3	Chín Phẩy Ba	
77	2026522052	Lê Trung	Khánh	T20YDH	30/06/1982	3.6	Ba Phẩy Sáu	
78	2027522053	Trần Thị Bích	Khuê	T20YDH	20/09/1988	7.5	Bảy Phẩy Năm	
79	2026522054	Võ Vĩnh	Khương	T20YDH	14/12/1983	7.6	BảyPhẩy Sáu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
80	2026522055	Trần Trọng	Kim	T20YDH	10/11/1988	6.8	Sáu Phẩy Tám	
81	2026522056	Lê Viết	Kính	T20YDH	22/08/1980	7.8	Bảy Phẩy Tám	
82	1921524708	Trần Đình	Lâm	K19YDH	20/11/1995	3.0	Ba	
83	2027522057	Trần Thị Hương	Lan	T20YDH	01/01/1969	6.0	Sáu	
84	2026522307	Huỳnh Thị	Lang	T20YDH	10/08/1984	8.8	Tám Phẩy Tám	
85	2027522060	Nguyễn Lê Nhật	Lệ	T20YDH	15/03/1990	3.7	Ba Phẩy Bảy	
86	2027522061	Từ Thị Mỹ	Lệ	T20YDH	18/01/1987	6.0	Sáu	
87	2027522062	Ngô Thị	Liên	T20YDH	10/02/1986	6.2	Sáu Phẩy Hai	
88	1920524893	Cao Thị Thùy	Linh	K19YDH	05/03/1994	6.1	Sáu Phẩy Một	
89	2026522064	Trần Việt	Linh	T20YDH	03/10/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
90	2027522065	Nguyễn Thị Thùy	Linh	T20YDH	09/08/1989	7.2	Bảy Phẩy Hai	
91	2027522066	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	T20YDH	24/08/1982	6.0	Sáu	
92	2027522067	Lê Thị	Loan	T20YDH	28/10/1983	V	Vắng	
93	2026522186	Phan Công	Lộc	T20YDH	20/11/1984	7.0	Bảy	
94	1921524650	Nguyễn Ngọc	Lợi	K19YDH	01/01/1994	4.1	Bốn Phẩy Một	
95	1921529886	Hoàng Quốc	Lợi	K19YDH	10/10/1995	5.9	Năm Phẩy Chín	
96	2026522069	Nguyễn Xuân	Lợi	T20YDH	29/05/1973	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
97	2027522068	Huỳnh Thị	Lợi	T20YDH	20/11/1988	5.9	Năm Phẩy Chín	
98	1921524520	Trịnh Hoàng Quang	Long	K19YDH	24/06/1995	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
99	2027522070	Lê Thị	Lưu	T20YDH	15/10/1979	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
100	2027522071	Võ Nữ Ly	Ly	T20YDH	15/04/1982	5.5	Năm Phẩy Năm	
101	2027522072	Lê Thị Thu	Mai	T20YDH	24/08/1983	8.0	Tám	
102	1921521814	Trần Huỳnh Xuân	Mẫn	K19YDH	05/07/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
103	1920524561	Nguyễn Tấn	May	K19YDH	01/07/1995	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
104	2026522074	Đình Văn	Minh	T20YDH	13/04/1989	8.0	Tám	
105	2027522214	Võ Thị Diệu	My	T20YDH	11/09/1989	5.9	Năm Phẩy Chín	
106	2027522075	Nguyễn Thị Việt	Mỹ	T20YDH	25/09/1989	6.5	Sáu Phẩy Năm	
107	2027522076	Nguyễn Nữ Mai	Na	T20YDH	23/06/1989	8.2	Tám Phẩy Hai	
108	1921524393	Dương Bình	Nam	K19YDH	29/03/1995	7.5	Bảy Phẩy Năm	
109	2026522077	Phan Nhật	Nam	T20YDH	17/07/1973	8.1	Tám Phẩy Một	
110	2027522078	Lê Thị Thúy	Nga	T20YDH	23/11/1980	5.6	Năm Phẩy Sáu	
111	2027522079	Phạm Thị	Nga	T20YDH	29/07/1980	5.5	Năm Phẩy Năm	
112	2027522080	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	T20YDH	20/06/1975	4.3	Bốn Phẩy Ba	
113	2027522081	Lê Thị Việt	Nga	T20YDH	15/11/1983	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
114	2027522082	Hồ Thanh	Nga	T20YDH	11/08/1983	7.1	Bảy Phẩy Một	
115	2027522083	Vũ Thị Kiều	Nga	T20YDH	16/09/1981	5.8	Năm Phẩy Tám	
116	2027522084	Nguyễn Thị Kim	Ngân	T20YDH	04/05/1981	9.0	Chín	
117	2027522085	Nguyễn Thị Kim	Ngân	T20YDH	24/10/1989	9.2	Chín Phẩy Hai	
118	1921528287	Cao Trọng	Nghĩa	K19YDH	28/11/1994	7.2	Bảy Phẩy Hai	
119	2027522086	Phan Thị	Ngọc	T20YDH	26/11/1986	8.8	Tám Phẩy Tám	
120	2027522188	Trần Lê Yến	Ngọc	T20YDH	19/02/1989	9.6	Chín Phẩy Sáu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
121	2027522211	Huyền Tôn Nữ Khánh	Ngọc	T20YDH	13/03/1983	8.6	Tám Phẩy Sáu	
122	2027522222	Lê Thị Bích	Ngọc	T20YDH	08/07/1971	7.3	Bảy Phẩy Ba	
123	1921524430	Lê Nhật	Nguyên	K19YDH	19/08/1995	6.1	Sáu Phẩy Một	
124	2026522087	Ngô Trí	Nguyên	T20YDH	16/04/1985	7.9	Bảy Phẩy Chín	
125	2027522088	Dương Thị Thanh	Nguyệt	T20YDH	02/06/1985	9.3	Chín Phẩy Ba	
126	1920524878	Nguyễn Thanh	Nhã	K19YDH	01/03/1993	6.8	Sáu Phẩy Tám	
127	1921524216	Trần	Nhân	K19YDH	10/04/1995	8.7	Tám Phẩy Bảy	
128	1921528278	Lê Quang Nguyễn Thành	Nhân	K19YDH	27/07/1993	5.9	Năm Phẩy Chín	
129	2026522091	Trương Công	Nhân	T20YDH	19/09/1980	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
130	1920529204	Nông Thị Quỳnh	Như	K19YDH	10/01/1995	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
131	1920524295	Hoàng Thị Hồng	Nhung	K19YDH	23/03/1994	4.8	Bốn Phẩy Tám	
132	2027522092	Lê Thị Cẩm	Nhung	T20YDH	29/06/1986	3.4	Ba Phẩy Bốn	
133	2027522093	Nguyễn Thị	Nhung	T20YDH	01/04/1981	4.9	Bốn Phẩy Chín	
134	1920528322	Bùi Thị Hoàng	Nhựt	K19YDH	26/09/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
135	2027522094	Hoàng Thị	Oanh	T20YDH	15/11/1977	8.9	Tám Phẩy Chín	
136	2027522095	Mai Thị Hoàng	Oanh	T20YDH	24/09/1983	8.8	Tám Phẩy Tám	
137	2027522096	Dương Thị Diệu	Oanh	T20YDH	30/04/1986	8.7	Tám Phẩy Bảy	
138	2027522220	Phan Thị Kim	Oanh	T20YDH	13/08/1974	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
139	2026522097	Hồ Văn	Phổ	T20YDH	17/03/1986	7.1	Bảy Phẩy Một	
140	2026522210	Trịnh Minh	Phổ	T20YDH	10/02/1988	7.0	Bảy	
141	1921528746	Đỗ Anh	Phong	K19YDH	20/11/1995	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
142	2026522098	Trần Văn	Phong	T20YDH	24/03/1989	6.0	Sáu	
143	1921524307	Trương Hải	Phú	K19YDH	20/02/1994	5.1	Năm Phẩy Một	
144	2020522811	Trần Việt	Phú	K20YDH	22/04/1993	5.8	Năm Phẩy Tám	
145	2026522099	Nguyễn Công	Phú	T20YDH	17/12/1976	4.5	Bốn Phẩy Năm	
146	1921524350	Nguyễn Hoàng	Phúc	K19YDH	19/03/1995	3.6	Ba Phẩy Sáu	
147	1921524866	Lê Hữu	Phúc	K19YDH	06/11/1994	6.1	Sáu Phẩy Một	
148	2026522100	Hồ Đắc	Phúc	T20YDH	23/03/1987	7.2	Bảy Phẩy Hai	
149	2027522101	Nguyễn Thị Kim	Phụng	T20YDH	01/01/1980	9.3	Chín Phẩy Ba	
150	1920524276	Lê Thị Anh	Phương	K19YDH	08/06/1995	4.8	Bốn Phẩy Tám	
151	1920524317	Ngô Thị Uyên	Phương	K19YDH	23/07/1995	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
152	1920524874	Nguyễn Thùy Bích	Phương	K19YDH	05/12/1995	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
153	1920528270	Nguyễn Thị Thanh	Phương	K19YDH	23/03/1995	4.8	Bốn Phẩy Tám	
154	2027522103	Nguyễn Thị Thanh	Phương	T20YDH	03/03/1988	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
155	2027522104	Hoàng Lê Thu	Phương	T20YDH	30/12/1988	9.0	Chín	
156	2027522105	Phan Thị Xuân	Phương	T20YDH	15/03/1987	7.5	Bảy Phẩy Năm	
157	2027522189	Ngô Thị Vân	Phương	T20YDH	10/07/1980	9.0	Chín	
158	1920528939	Trần Thị Thu	Phượng	K19YDH	15/05/1995	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
159	2027522106	Nguyễn Thị	Phượng	T20YDH	10/12/1974	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
160	1921528374	Nguyễn Nhật	Quang	K19YDH	11/07/1995	6.5	Sáu Phẩy Năm	
161	2026522108	Trần Vinh	Quang	T20YDH	23/05/1984	7.6	Bảy Phẩy Sáu	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
162	2027522107	Nguyễn Thị Kim	Quang	T20YDH	24/08/1984	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
163	1921524718	Nguyễn Trọng	Quí	K19YDH	22/10/1994	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
164	2026522109	Triệu Văn Bảo	Quốc	T20YDH	12/09/1976	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
165	2027522110	Đỗ Trần Hồng	Quyên	T20YDH	01/02/1979	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
166	1920524283	Hoàng Thị Như	Quỳnh	K19YDH	01/10/1995	5.0	Năm	
167	1921524560	Đỗ Như	Quỳnh	K19YDH	03/08/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
168	2027522111	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	T20YDH	31/01/1987	6.5	Sáu Phẩy Năm	
169	2027522200	Nguyễn Thị Tường	Sa	T20YDH	10/05/1972	6.0	Sáu	
170	1921524629	Nguyễn Trần Đình	Sang	K19YDH	15/02/1994	5.9	Năm Phẩy Chín	
171	1921524673	Nguyễn Văn	Sang	K19YDH	29/06/1995	5.8	Năm Phẩy Tám	
172	2027522112	Nguyễn Thị	Sim	T20YDH	12/10/1960	3.4	Ba Phẩy Bốn	
173	2027522113	Nguyễn Thị Diệu	Sinh	T20YDH	02/06/1983	5.7	Năm Phẩy Bảy	
174	2027522114	Trịnh Thị Hồng	Sinh	T20YDH	01/05/1984	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
175	2026522115	Nguyễn Thành	Son	T20YDH	08/03/1983	6.3	Sáu Phẩy Ba	
176	1921524883	Lê Anh	Tài	K19YDH	18/02/1995	3.8	Ba Phẩy Tám	
177	1920524347	Hứa Thị	Tâm	K19YDH	02/09/1994	2.7	Hai Phẩy Bảy	
178	1920527938	Trần Thị Thanh	Tâm	K19YDH	09/03/1995	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
179	2027522116	Nguyễn Thị Minh	Tâm	T20YDH	12/06/1986	5.7	Năm Phẩy Bảy	
180	2027522117	Trần Thị	Tâm	T20YDH	15/08/1985	7.2	Bảy Phẩy Hai	
181	2026522118	Phan Thanh	Tạo	T20YDH	16/08/1966	7.5	Bảy Phẩy Năm	
182	2026522119	Võ Văn	Tây	T20YDH	28/09/1989	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
183	1921529995	Trần Quang	Thái	K19YDH	31/07/1995	5.9	Năm Phẩy Chín	
184	2026522120	Hồ Hoàng	Thắng	T20YDH	03/12/1985	6.8	Sáu Phẩy Tám	
185	1920528352	Thủy Thị Hoài	Thanh	K19YDH	02/09/1994	5.7	Năm Phẩy Bảy	
186	1921524749	Phan Xuân	Thành	K19YDH	14/06/1994	5.7	Năm Phẩy Bảy	
187	1921528320	Nguyễn Trung	Thành	K19YDH	22/09/1995	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
188	2026522122	Trần Viết	Thành	T20YDH	14/04/1988	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
189	2026522123	Lê Chí	Thành	T20YDH	10/11/1988	3.8	Ba Phẩy Tám	
190	2026522125	Nguyễn Chí	Thành	T20YDH	22/01/1983	5.6	Năm Phẩy Sáu	
191	2026522126	Lê Quang	Thành	T20YDH	15/10/1974	7.1	Bảy Phẩy Một	
192	2026522127	Võ Nhật	Thành	T20YDH	17/04/1987	5.5	Năm Phẩy Năm	
193	2027522124	Cao Thị Ánh	Thành	T20YDH	21/07/1978	9.2	Chín Phẩy Hai	
194	1820523590	Trần Thạch	Thảo	K18YDH	22/10/1994	2.3	Hai Phẩy Ba	
195	1920522418	Nguyễn Thị	Thảo	K19YDH	09/10/1994	8.8	Tám Phẩy Tám	
196	1921524651	Nguyễn Văn	Thảo	K19YDH	23/03/1994	4.9	Bốn Phẩy Chín	
197	2027522128	Lê Phương	Thảo	T20YDH	09/12/1990	5.7	Năm Phẩy Bảy	
198	2027522129	Nguyễn Thị Phương	Thảo	T20YDH	25/02/1980	5.6	Năm Phẩy Sáu	
199	2027522130	Trần Thị Phương	Thảo	T20YDH	18/11/1991	5.0	Năm	
200	2027522131	Đào Nguyên Anh	Thảo	T20YDH	11/09/1989	7.5	Bảy Phẩy Năm	
201	2027522132	Lê Phương	Thảo	T20YDH	17/09/1984	3.8	Ba Phẩy Tám	
202	2027522133	Đoàn Thị Thanh	Thảo	T20YDH	24/12/1988	7.3	Bảy Phẩy Ba	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
203	1921529538	Văn Bá	Thi	K19YDH	10/07/1992	5.0	Năm	
204	2027522135	Trần Thị Kim	Thi	T20YDH	24/06/1981	5.0	Năm	
205	1921524446	Nguyễn Hoàng	Thiên	K19YDH	16/08/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
206	1921521822	Trần Tây	Thiện	K19YDH	12/01/1995	4.0	Bốn	
207	1920524277	Nguyễn Thị	Thơ	K19YDH	25/03/1995	5.7	Năm Phẩy Bảy	
208	2027522136	Quảng Thị Kim	Thoa	T20YDH	19/10/1984	5.7	Năm Phẩy Bảy	
209	2026522137	Mai Huỳnh Quốc	Thống	T20YDH	02/10/1988	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
210	2027522138	Hoàng Thị	Thu	T20YDH	25/08/1974	4.1	Bốn Phẩy Một	
211	2027522139	Nguyễn Anh	Thư	T20YDH	07/02/1980	8.5	Tám Phẩy Năm	
212	2027522140	Lê Thị Hoài	Thương	T20YDH	10/11/1987	7.1	Bảy Phẩy Một	
213	2027522141	Trần Đặng Hoài	Thương	T20YDH	02/12/1988	6.8	Sáu Phẩy Tám	
214	2027522142	Phan Thị Hoài	Thương	T20YDH	16/03/1987	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
215	2027522143	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	T20YDH	12/07/1981	7.9	Bảy Phẩy Chín	
216	2027522145	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	T20YDH	09/06/1989	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
217	1920528998	Trần Thị Thu	Thủy	K19YDH	06/03/1995	5.6	Năm Phẩy Sáu	
218	2027522146	Nguyễn Thị Diệu	Thủy	T20YDH	08/05/1987	5.5	Năm Phẩy Năm	
219	2027522147	Lê Ngọc	Thủy	T20YDH	15/10/1989	7.2	Bảy Phẩy Hai	
220	2027522148	Nguyễn Thị Thu	Thủy	T20YDH	31/03/1981	8.1	Tám Phẩy Một	
221	2027522149	Trần Thị Hoàng	Thy	T20YDH	24/11/1969	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
222	1920529000	Trần Nguyễn Bảo	Tích	K19YDH	09/08/1995	7.2	Bảy Phẩy Hai	
223	1920528260	Hồ Thị Thủy	Tiên	K19YDH	04/04/1993	7.1	Bảy Phẩy Một	
224	1920528843	Lương Thị Thủy	Tiên	K19YDH	14/11/1994	6.3	Sáu Phẩy Ba	
225	2026522151	Trần Hữu	Tiến	T20YDH	18/12/1989	7.3	Bảy Phẩy Ba	
226	1921527926	Võ Hoàng	Tin	K19YDH	26/03/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
227	1921524793	Đoàn Văn	Tín	K19YDH	18/03/1995	8.1	Tám Phẩy Một	
228	2026522152	Nguyễn Bá	Tín	T20YDH	02/08/1973	5.9	Năm Phẩy Chín	
229	2026522153	Nguyễn Mạnh	Toàn	T20YDH	16/04/1986	7.3	Bảy Phẩy Ba	
230	2026522154	Đỗ Công	Toàn	T20YDH	14/07/1981	6.9	Sáu Phẩy Chín	
231	2027522156	Võ Thị Thùy	Trâm	T20YDH	09/08/1988	7.9	Bảy Phẩy Chín	
232	2027522157	Phạm Ngọc	Trâm	T20YDH	17/08/1985	6.2	Sáu Phẩy Hai	
233	2027522158	Võ Thị Thùy	Trâm	T20YDH	10/12/1986	9.5	Chín Phẩy Năm	
234	1920528277	Trương Thùy	Trang	K19YDH	22/09/1995	6.8	Sáu Phẩy Tám	
235	2027522160	Lưu Thị Huyền	Trang	T20YDH	26/12/1987	3.4	Ba Phẩy Bốn	
236	2027522161	Nguyễn Thị	Trang	T20YDH	19/04/1990	6.5	Sáu Phẩy Năm	
237	2027522162	Bùi Thị Thùy	Trang	T20YDH	16/08/1990	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
238	2027522163	Nguyễn Thị Thùy	Trang	T20YDH	15/04/1990	7.1	Bảy Phẩy Một	
239	2027522164	Phan Thị	Trang	T20YDH	10/09/1984	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
240	2027522191	Đặng Thị Huyền	Trang	T20YDH	04/01/1987	9.3	Chín Phẩy Ba	
241	2027522192	Trần Ngọc Đoan	Trang	T20YDH	21/02/1991	7.0	Bảy	
242	1921524254	Vũ Minh	Trí	K19YDH	29/04/1995	7.3	Bảy Phẩy Ba	
243	1921524585	Trương Minh	Trí	K19YDH	02/09/1995	4.2	Bốn Phẩy Hai	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
244	2026522165	Võ Công	Trí	T20YDH	01/01/1984	6.5	Sáu Phẩy Năm	
245	2026522166	Nguyễn Đức	Trí	T20YDH	13/12/1971	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
246	1920524558	Nguyễn Thị Tú	Trinh	K19YDH	13/11/1995	8.2	Tám Phẩy Hai	
247	1920524807	Lê Đỗ Ngọc	Trinh	K20YDH	12/08/1994	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
248	2027522167	Võ Thị Thùy	Trinh	T20YDH	19/04/1978	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
249	2027522169	Hồ Nữ Hạnh	Trinh	T20YDH	03/02/1982	6.0	Sáu	
250	2026522170	Trương Hữu	Trung	T20YDH	20/04/1971	4.2	Bốn Phẩy Hai	
251	2026522171	Đặng Duy	Trường	T20YDH	13/01/1983	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
252	1921524770	Nguyễn Anh	Tuấn	K19YDH	05/01/1995	6.3	Sáu Phẩy Ba	
253	1921524879	Đặng Văn	Tuấn	K19YDH	09/04/1995	7.0	Bảy	
254	2026522172	Nguyễn Hữu	Tuấn	T20YDH	22/11/1976	7.1	Bảy Phẩy Một	
255	2026522175	Ngô Anh	Tuấn	T20YDH	10/03/1985	5.5	Năm Phẩy Năm	
256	2026522208	Đoàn Anh	Tuấn	T20YDH	17/10/1985	7.0	Bảy	
257	2027522174	Trương Thị	Tuấn	T20YDH	03/08/1987	8.3	Tám Phẩy Ba	
258	2027522216	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	T20YDH	02/05/1985	7.9	Bảy Phẩy Chín	
259	1921524877	Trần Long	Tuyền	K19YDH	14/08/1994	V	Vắng	
260	2027522205	Lê Nhật	Tuyền	T20YDH	04/12/1985	7.9	Bảy Phẩy Chín	
261	2027522176	Đoàn Thị Ánh	Tuyết	T20YDH	22/09/1980	6.8	Sáu Phẩy Tám	
262	1920524268	Huỳnh Ngọc Thảo	Uyên	K19YDH	02/05/1995	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
263	1920524686	Lê Phan Tú	Uyên	K19YDH	16/12/1995	7.3	Bảy Phẩy Ba	
264	1920528877	Trần Thị Tú	Uyên	K19YDH	22/02/1995	4.1	Bốn Phẩy Một	
265	2027522177	Huỳnh Thị Phương	Uyên	T20YDH	02/03/1971	8.4	Tám Phẩy Bốn	
266	2027522178	Nguyễn Thị Phương	Uyên	T20YDH	28/02/1988	V	Vắng	
267	2027522179	Hà Thị Thu	Vân	T20YDH	14/11/1990	8.9	Tám Phẩy Chín	
268	2027522180	Mã Thị Hồng	Vân	T20YDH	05/05/1975	8.0	Tám	
269	2027522181	Văn Thị	Vân	T20YDH	29/06/1981	8.0	Tám	
270	2027522182	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	T20YDH	04/12/1967	2.6	Hai Phẩy Sáu	
271	2027522183	Huỳnh Thị Hồng	Vân	T20YDH	11/12/1978	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
272	1921215163	Cao Quốc	Việt	K19YDH	10/01/1995	4.5	Bốn Phẩy Năm	
273	1926522215	Huỳnh Thị	Việt	T20YDH	20/07/1981	7.5	Bảy Phẩy Năm	
274	2026522184	Phạm Văn	Vinh	T20YDH	18/01/1990	5.0	Năm	
275	2026522196	Lê Hải	Vinh	T20YDH	31/10/1984	8.1	Tám Phẩy Một	
276	1921527901	Nguyễn Văn	Vũ	K19YDH	22/12/1995	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
277	2026522209	Lê Nguyên	Vũ	T20YDH	21/09/1987	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
278	1921524735	Nguyễn Thanh	Vương	K19YDH	27/09/1995	6.1	Sáu Phẩy Một	
279	2027522185	Lê Thị Kim	Vương	T20YDH	19/01/1989	8.1	Tám Phẩy Một	
280	1921524839	Nguyễn Kim	Xanh	K19YDH	31/05/1995	4.8	Bốn Phẩy Tám	
281	2027522201	Võ Thị	Yên	T20YDH	30/12/1985	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
282	2027522193	Lê Thị	Yến	T20YDH	01/10/1987	8.4	Tám Phẩy Bốn	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
					SỐ	CHỮ	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : ĐIỀU DƯỠNG
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
					SỐ	CHỮ	
1	2126511967	Đinh Nguyễn Hoài Anh	T21YDD_B	26/06/1989	9.6	Chín Phẩy Sáu	
2	2126511968	Võ Thị Cảnh	T21YDD_B	06/09/1992	8.0	Tám	
3	2226511047	Nguyễn Thị Kim Chung	D22YDD	28/02/1991	8.4	Tám Phẩy Bốn	
4	2021513498	Chế Văn Công	K20YDD	05/08/1996	5.6	Năm Phẩy Sáu	
5	1920514159	Lê Thị Diễm	K20YDD	27/07/1995	6.0	Sáu	
6	2126511969	Phạm Thị Diễm	T21YDD_B	02/01/1988	8.7	Tám Phẩy Bảy	
7	2126511970	Huỳnh Thị Mỹ Dịu	T21YDD_B	26/02/1988	8.4	Tám Phẩy Bốn	
8	2227511048	Hồ Võ Ánh Dương	D22YDD	21/02/1991	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
9	2126511971	Phạm Thị Hà	T21YDD_B	29/06/1990	8.5	Tám Phẩy Năm	
10	2226511049	Trần Thị Hà	D22YDD	11/04/1994	8.5	Tám Phẩy Năm	
11	2126511972	Phan Thị Hằng	T21YDD_B	10/05/1991	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
12	1821515679	Lê Thanh Phú	K18YDD	10/04/1994	5.5	Năm Phẩy Năm	
13	2126511973	Lê Kha Thùy Hạnh	T21YDD_B	23/10/1990	8.8	Tám Phẩy Tám	
14	2021514261	Nguyễn Việt Hiếu	K20YDD	26/07/1996	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
15	2126511974	Trần Thị Hồng Hoa	T21YDD_B	01/05/1991	8.0	Tám	
16	2126511976	Nguyễn Thị Huệ	T21YDD_B	26/02/1992	8.7	Tám Phẩy Bảy	
17	1810515605	Trần Mai Hương	D22YDD	11/11/1994	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
18	2226511054	Lê Thị Thanh Hường	D22YDD	16/12/1990	7.8	Bảy Phẩy Tám	
19	2226511055	Nguyễn Thị Thu Hường	D22YDD	17/07/1991	8.9	Tám Phẩy Chín	
20	1910519961	Nguyễn Thị Thúy Linh	D22YDD	08/04/1995	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
21	2126511978	Hồ Thị Cẩm Linh	T21YDD_B	19/12/1991	8.1	Tám Phẩy Một	
22	2126511979	Nguyễn Thị Lợi	T21YDD_B	28/08/1988	8.0	Tám	
23	2020518481	Nguyễn Thị Trà Miêu	K20YDD	20/06/1996	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
24	2126511980	Nguyễn Thị Thoại My	T21YDD_B	24/10/1993	8.6	Tám Phẩy Sáu	
25	2226511058	Nguyễn Thị Hà Nhi	D22YDD	13/04/1991	8.2	Tám Phẩy Hai	
26	1910518625	Trương Thị Quỳnh Như	D22YDD	02/11/1994	9.2	Chín Phẩy Hai	
27	2020114684	Trần Vũ Ngọc Phấn	K20YDD	22/09/1996	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
28	2020517368	Phạm Thị Hoàng Minh Phương	K20YDD	20/11/1996	6.9	Sáu Phẩy Chín	
29	2226511061	Nguyễn Thị Hàn Quyên	D22YDD	14/10/1995	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
30	2226511062	Lê Thị Thùy Sương	D22YDD	15/06/1994	9.2	Chín Phẩy Hai	
31	2127511982	Đặng Tấn Thũ	T21YDD_B	08/12/1993	8.1	Tám Phẩy Một	
32	2020513570	Nguyễn Đặng Thanh Thúy	K20YDD	21/12/1996	5.7	Năm Phẩy Bảy	
33	2020518464	Trần Thị Thúy	K20YDD	15/01/1996	V	Vắng	
34	1910517573	Phạm Thị Tuyết Trâm	D22YDD	14/04/1995	V	Vắng	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
35	2126511983	Phan Thị Hoa	Trang	T21YDD_B	10/04/1977	8.1	Tám Phẩy Một	
36	1910517591	Nguyễn Thị Phương	Trinh	D22YDD	09/12/1995	6.3	Sáu Phẩy Ba	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN CHUẨN PSU
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020235056	Hồ Trần Phương	Hoàng	K20PSU-KKT	18/08/1996	V	Vắng	
2	2020234719	Huỳnh Thị Diệp	Hoàng	K20PSU-KKT	11/01/1996	9.5	Chín Phẩy Năm	
3	2020254414	Võ Thị Thanh	Huyền	K20PSU-KKT	25/06/1996	7.0	Bảy	
4	2021266334	Phan Thị Mỹ	Linh	K20PSU-KKT	07/06/1996	8.3	Tám Phẩy Ba	
5	1921215006	Đỗ Phúc	Toàn	K19PSU-KKT	16/10/1995	7.1	Bảy Phẩy Một	
6	1920214996	Trần Nguyễn Thanh	Thúy	K20PSU-KKT	09/02/1995	8.4	Tám Phẩy Bốn	
7	2020254370	Trương Thị Tường	Vy	K20PSU-KKT	02/08/1996	7.8	Bảy Phẩy Tám	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ KINH DOANH CHUẨN PSU
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020216914	Phạm Linh	Chi	K20PSU-QTH	09/02/1996	5.7	Năm Phẩy Bảy	
2	2021213886	Trần Duy	Hải	K20PSU-QTH	10/09/1996	6.0	Sáu	
3	2021216374	Nguyễn Đình	Hiền	K20PSU-QTH	15/06/1995	5.7	Năm Phẩy Bảy	
4	2021215699	Nguyễn Hữu	Nam	K20PSU-QTH	06/11/1996	3.7	Ba Phẩy Bảy	
5	2020248181	Phạm Diễm	Quỳnh	K20PSU-QTH	22/12/1996	4.0	Bốn	
6	2021213581	Huỳnh Kim	Sang	K20PSU-QTH	30/06/1996	7.6	BảyPhẩy Sáu	
7	2021217399	Trần Ngọc	Sơn	K20PSU-QTH	09/10/1996	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
8	2020713910	Đặng Thủy	Tiên	K20PSU-QTH	13/06/1996	3.3	Ba Phẩy Ba	
9	2020213855	Nguyễn Thị Kim	Thoa	K20PSU-QTH	22/10/1996	6.1	Sáu Phẩy Một	
10	2021213467	Nguyễn Văn	Việt	K20PSU-QTH	17/07/1996	5.9	Năm Phẩy Chín	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ DU LỊCH KS CHUẨN PSU
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020715012	Đinh Thị Thùy	Dung	K20PSU-DLK	03/01/1996	5.6	Năm Phẩy Sáu	
2	2021716089	Đinh Trần Khương	Duy	K20PSU-DLK	01/10/1996	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
3	1921719098	Lâm Thành	Đạt	K19 PSU-DLK	30/03/1995	5.7	Năm Phẩy Bảy	
4	2020713939	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	K20PSU-DLK	30/04/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
5	2020713661	Đinh Thị	Hải	K20PSU-DLK	02/03/1995	4.2	Bốn Phẩy Hai	
6	2020341017	Lý Gia	Hy	K20PSU-DLK	14/09/1995	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
7	2021714336	Trần Khải	Minh	K20PSU-DLK	07/07/1996	6.3	Sáu Phẩy Ba	
8	1911627695	Trần Ngọc	Phong	K22 PSU-DLK	01/10/1995	6.8	Sáu Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
9	2020718065	Nguyễn Bích	Phương	K20PSU-DLK	17/08/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
10	2020348235	Lê Hà Cẩm	Tú	K20PSU-DLK	25/11/1996	7.3	Bảy Phẩy Ba	
11	2020717829	Thân Thị Hiền	Trâm	K20PSU-DLK	24/10/1996	7.3	Bảy Phẩy Ba	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ DU LỊCH K.SẠN - N.HÀNG
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020713618	Phan Bảo	Châu	K20DLK	29/08/1996	2.6	Hai Phẩy Sáu	
2	2020726405	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K20DLK	20/09/1995	4.3	Bốn Phẩy Ba	
3	2021710515	Huỳnh Quân	Đạt	K20DLK	27/07/1996	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
4	2020727331	Vương Thị Trà	Giang	K20DLK	27/02/1996	4.9	Bốn Phẩy Chín	
5	2020715042	Huỳnh Nguyễn Thanh	Hằng	K20DLK	12/01/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
6	2020713344	Nguyễn Thị	Hương	K20DLK	26/10/1996	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
7	2020714313	Trần Thị Ánh	Nguyệt	K20DLK	20/03/1996	5.6	Năm Phẩy Sáu	
8	2020345361	Nguyễn Phương	Nhi	K20DLK	22/10/1996	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
9	2010237347	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	K20DLK	30/05/1995	7.1	Bảy Phẩy Một	
10	2020718223	Phạm Thị Ngọc	Tuyết	K20DLK	01/01/1996	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
11	2021713480	Nguyễn Hồng	Vinh	K20DLK	25/06/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ DU LỊCH LỮ HÀNH
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020727136	Phan Thị	Ngọc	K20DLL	25/04/1996	V	Vắng	
2	1820725421	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K18DLL	14/06/1993	V	Vắng	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 25/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	1920514173	Võ Thị Ngọc	Hà	K20KKT	20/08/1994	8.5	Tám Phẩy Năm	
2	2020253564	Lê Thị Hoàng	Hạnh	K20KKT	10/09/1996	V	Vắng	
3	2020255697	Phan Thị Diệu	Hiền	K20KKT	16/07/1996	9.0	Chín	
4	2020253861	Lê Thị Thanh	Hoài	K20KKT	27/12/1995	9.8	Chín Phẩy Tám	
5	2021257698	Nguyễn Thành	Hoàng	K20KKT	13/11/1995	8.5	Tám Phẩy Năm	
6	2126251313	Nguyễn Đình Diệu	Hương	D21KKTA	14/05/1986	9.8	Chín Phẩy Tám	
7	2020257972	Trần Thị Lan	Hương	K20KKT	07/06/1996	9.3	Chín Phẩy Ba	
8	2021254537	Trần Viết	Khoa	K20KKT	02/06/1996	9.8	Chín Phẩy Tám	
9	2020254748	Nguyễn Thị Trúc	Khuyên	K20KKT	09/11/1996	9.8	Chín Phẩy Tám	
10	2020256568	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	K20KKT	20/06/1996	10.0	Mười	
11	2020254372	Võ Thị	Thảo	K20KKT	02/01/1996	10.0	Mười	
12	2020267123	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K20KKT	09/03/1996	9.8	Chín Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
13	2021514709	Phan Phạm Thị Cẩm	Thùy	K20KKT	10/06/1996	9.5	Chín Phẩy Năm	
14	1821253677	Nguyễn Trung	Tín	K20KKT	16/04/1994	6.5	Sáu Phẩy Năm	
15	2020265922	Hồ Thị Như	Trang	K20KKT	07/11/1996	9.0	Chín	
16	2020253800	Lê Thu	Trang	K20KKT	24/05/1996	9.3	Chín Phẩy Ba	
17	2020267655	Lê Thị Phương	Trang	K20KKT	10/03/1996	8.5	Tám Phẩy Năm	
18	2020254155	Trần Thùy	Trinh	K20KKT	10/10/1996	8.9	Tám Phẩy Chín	
19	2020254452	Phạm Thị Tú	Trinh	K20KKT	06/01/1996	V	Vắng	
20	172146434	Nguyễn Đức	Tùng	K20KKT	13/09/1993	9.0	Chín	
21	2020264208	Trần Phương	Uyên	K20KKT	01/12/1996	10.0	Mười	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 25/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020257224	Nguyễn Thị Phương	Anh	K20KDN	08/03/1996	7.5	Bảy Phẩy Năm	
2	2226261221	Võ Thị	Ca	D22KDN	16/03/1995	7.8	Bảy Phẩy Tám	
3	2020263994	Nguyễn Thị Yên	Chi	K20KDN	04/02/1996	9.4	Chín Phẩy Bốn	
4	171325892	Nguyễn Thị	Dung	D22KDN	31/12/1993	10.0	Mười	
5	2020263853	Đào Thị Mỹ	Dung	K20KDN	18/09/1996	8.3	Tám Phẩy Ba	
6	2020266139	Tôn Thị Hương	Giang	K20KDN	22/08/1996	7.5	Bảy Phẩy Năm	
7	2226261228	Nguyễn Thị	Hằng	D22KDN	29/10/1992	10.0	Mười	
8	171325922	Nguyễn Thị	Hậu	D22KDN	06/09/1993	9.5	Chín Phẩy Năm	
9	1810215022	Lê Thị	Hiền	D22KDN	10/11/1993	9.3	Chín Phẩy Ba	
10	2020258249	Hồ Thị	Hương	K20KDN	16/07/1996	9.1	Chín Phẩy Một	
11	2227261232	Đỗ Văn	Khánh	D22KDN	16/10/1980	V	Vắng	
12	2226261234	Nguyễn Thị	Lương	D22KDN	17/07/1991	8.8	Tám Phẩy Tám	
13	2020266776	Nguyễn Thị Thanh	Nga	K20KDN	19/12/1996	8.3	Tám Phẩy Ba	
14	2226261239	Nguyễn Thị Thạch	Nha	D22KDN	28/07/1992	6.0	Sáu	
15	2226261240	Vũ Công Thanh	Nhàn	D22KDN	04/09/1991	8.8	Tám Phẩy Tám	
16	2226261241	Nguyễn Huỳnh Thị Ý	Như	D22KDN	20/08/1992	9.3	Chín Phẩy Ba	
17	1913211632	Văn Phú	Phi	D22KDN	09/12/1994	V	Vắng	
18	2226261246	Phan Thị Lệ	Phương	D22KDN	04/06/1991	8.0	Tám	
19	2021265882	Trần Ngọc	Quyết	K20KDN	07/08/1996	7.3	Bảy Phẩy Ba	
20	2227261247	Phan Quang	Tài	D22KDN	01/08/1981	10.0	Mười	
21	1810214476	Đàm Thị Ngọc	Thảo	D22KDN	29/08/1994	V	Vắng	
22	1810215922	Đoàn Võ Anh	Thư	D22KDN	23/10/1994	10.0	Mười	
23	2226261252	Nguyễn Vũ Quỳnh	Thư	D22KDN	11/03/1992	V	Vắng	
24	2226261253	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D22KDN	02/09/1994	9.5	Chín Phẩy Năm	
25	2226261255	Trương Thị Phương	Trâm	D22KDN	01/04/1994	9.8	Chín Phẩy Tám	
26	171326165	Hoàng Thị Như	Trang	D22KDN	12/01/1993	9.3	Chín Phẩy Ba	
27	1912211639	Lê Hoàng Huyền	Trang	D22KDN	27/08/1994	8.5	Tám Phẩy Năm	
28	1910237793	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	K21KDN	16/09/1995	V	Vắng	
29	2020265771	Nguyễn Đức	Tùng	K20KDN	02/05/1996	9.5	Chín Phẩy Năm	
30	2021266459	Lê Thanh	Tùng	K20KDN	27/07/1996	9.3	Chín Phẩy Ba	
31	161326599	Trần Nguyễn Thảo	Uyên	D22KDN	23/08/1992	9.3	Chín Phẩy Ba	
32	2226261263	Trần Thị Tường	Vi	D22KDN	12/08/1991	9.3	Chín Phẩy Ba	
33	2020217984	Phạm Thị Tường	Vi	K20KDN	17/02/1996	9.0	Chín	
34	2227261264	Nguyễn Quốc	Việt	D22KDN	28/04/1992	8.8	Tám Phẩy Tám	
35	2226261265	Đài Thị Nhơn	Ý	D22KDN	28/04/1992	9.8	Chín Phẩy Tám	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
36	2226261266	Nguyễn Thị Hải	Yến	D22KDN	28/02/1992	9.3	Chín Phẩy Ba	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : NGÂN HÀNG
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2226241201	Phạm Thị	Ái	D22QNH	07/07/1993	8.4	Tám Phẩy Bốn	
2	2227241202	Nguyễn Quốc	Anh	D22QNH	28/04/1992	8.3	Tám Phẩy Ba	
3	1811223956	Nguyễn Đức	Cảnh	D22QNH	01/01/1994	8.3	Tám Phẩy Ba	
4	171575481	Huỳnh Tấn	Danh	D22QNH	26/08/1993	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
5	2227241204	Dương Trường	Giang	D22QNH	27/02/1991	8.3	Tám Phẩy Ba	
6	1810224611	Lý Thị	Hà	D22QNH	28/03/1994	V	Vắng	
7	1810226650	Trần Ngọc Linh	Hà	D22QNH	21/08/1993	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
8	1810223954	Nguyễn Thị Ly	Na	D22QNH	24/04/1994	8.0	Tám	
9	1811225092	Đặng Quý	Nhân	D22QNH	10/08/1994	5.6	Năm Phẩy Sáu	
10	171576636	Lê Thị Dạ	Thảo	D22QNH	05/11/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
11	1810223786	Nguyễn Thị Thu	Trang	D22QNH	29/06/1993	8.0	Tám	
12	1811223795	Ngô Minh Thùy	Trâm	D22QNH	04/03/1994	8.4	Tám Phẩy Bốn	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020234504	Nguyễn Trần Khánh	Trình	K20QTC	26/03/1995	3.1	Ba Phẩy Một	
2	1920235327	Lê Thị Phương	Dung	K19QTC	09/03/1995	6.0	Sáu	
3	2020235580	Nguyễn Thị Nhật	Uyên	K20QTC	01/06/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 08/2018
CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP
MÔN THI : MÔN 1 (KIẾN THỨC CƠ SỞ)

Thời Gian: 13H00 - 24/08/2018

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	2020215931	Lê Thị Minh	Châu	K20QTH	13/07/1996	5.8	Năm Phẩy Tám	
2	2021218411	Phạm Thành	Đồng	K20QTH	10/10/1996	5.6	Năm Phẩy Sáu	
3	2226211190	Nguyễn Hoàng Tâm	Dương	D22QTH	28/08/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
4	2126211602	Phạm Nguyễn Hồng	Hạnh	D21QTHB	08/01/1993	6.1	Sáu Phẩy Một	
5	2021627907	Nguyễn Văn	Hiền	K20QTH	10/07/1996	6.0	Sáu	
6	2127211605	Nguyễn Vũ Trường	Hiển	D21QTHB	19/05/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
7	2020213121	Nguyễn Trung	Hiếu	K20QTH	25/08/1996	6.5	Sáu Phẩy Năm	
8	2126211607	Võ Thị Khánh	Hòa	D21QTHB	06/06/1994	6.0	Sáu	
9	1921215043	Trần Quang	Huy	K20QTH	02/05/1995	5.5	Năm Phẩy Năm	
10	2021210695	Phạm Nguyễn Đình	Nhân	K20QTH	14/08/1996	3.3	Ba Phẩy Ba	
11	2021210652	Trần Công	Nhật	K20QTH	04/09/1996	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
12	2226211193	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	D22QTH	02/09/1992	7.3	Bảy Phẩy Ba	
13	2227211194	Lưu Trọng	Phước	D22QTH	17/08/1993	5.8	Năm Phẩy Tám	
14	2021214395	Hồ Lễ Cường	Quốc	K20QTH	23/08/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
15	2021210535	Nguyễn Ngọc	Tài	K20QTH	04/12/1996	6.8	Sáu Phẩy Tám	
16	2227211195	Nguyễn Minh	Thắng	D22QTH	06/07/1994	7.5	Bảy Phẩy Năm	
17	2020214824	Trần Phương	Thi	K20QTH	22/10/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
18	2021214928	Lê Trung	Thuận	K20QTH	11/07/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
19	2020217394	Trần Thị Thu	Trang	K20QTH	19/06/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
20	2021213450	Phạm Đức	Tùng	K20QTH	24/09/1996	2.7	Hai Phẩy Bảy	
21	2021213682	Phạm Việt	Vinh	K20QTH	02/09/1996	5.5	Năm Phẩy Năm	
22	2021126545	Nguyễn Bá	Vương	K20QTH	05/06/1995	4.0	Bốn	